

Bản án số: **650/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-12-2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Mỹ Kiều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Kim Yến

2. Ông Vũ Trung Kiên

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/HNST ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị A – sinh năm 1977; Địa chỉ: tổ 19 thôn Châu L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (Có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang Thanh L – sinh năm 1977; Địa chỉ: 221 Hồng L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đơn phương ly hôn đề ngày 17/03/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị A trình bày: Bà và ông Nguyễn Quang Thanh L kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 303, quyền số 02/2009 ngày 18/12/2009). Trong thời gian chung sống thì hai bên có phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuyên say xỉn, gây gổ với bà. Bà đã nộp đơn ly hôn nhiều lần nhưng sau đó rút đơn về vì con còn nhỏ và mong muốn khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến năm 2018, do không thể chịu được cuộc sống chung luôn xảy ra mâu thuẫn nên bà đã cùng con về Quảng Nam sinh sống, hai bên ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn đối với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Quang Tuấn N - sinh ngày 10/01/2014. Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quang Thanh L trình bày: Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng gây lộn, bà A đã mang con về Quảng Nam sinh sống. Ông và bà A đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà A, ông không đồng ý vì con còn nhỏ.

Về con chung: Có 01 con chung như bà A trình bày. Ông không muốn ly hôn nhưng nếu phải ly hôn thì ông không có ý kiến về việc ai là người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà Phạm Thị Acó đơn xin vắng mặt khi xét xử và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L. Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang Tuấn N – sinh ngày 10/01/2014, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quang Thanh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn – bà Phạm Thị A nộp đơn xin ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Quang Thanh L. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông Nguyễn Quang Thanh L cư trú tại địa chỉ số 221 Hồng L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét thấy, bà Phạm Thị A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A.

Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, ông Nguyễn Quang Thanh L vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang Thanh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 303, quyển số 02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2009 thì quan hệ hôn nhân của bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Quang Thanh L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào trình bày của bà A, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông L sử dụng rượu bia, thường xuyên gây gổ với bà A. Bản thân ông L cũng thừa nhận trong thời gian hai bên chung sống thường xuyên cãi vã. Như vậy, trong quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía bà A kiên quyết xin ly hôn, ông L không đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của bà A chỉ với lý do con còn nhỏ, không xuất phát từ việc còn tình cảm, muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình. Ông L đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt thể hiện không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Hơn nữa, bà A và ông L đã ly thân từ năm 2018, thời gian ly thân đã lâu, khó có khả năng khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Quang Tuấn N – sinh ngày 10/01/2014. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ N hiện đang sống chung với bà A, đang trong độ tuổi phát triển và có nhiều thay đổi về tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của mẹ, sự ổn định về nơi ở, học tập và ổn định về tâm lý. Ông L không muốn ly hôn nên ông không có ý kiến về việc ai là người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà A là có căn cứ chấp nhận. Bà A không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông L đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069256 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị Ánh:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Quang Thanh L.

- Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao bà Phạm Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang Tuấn N – sinh ngày 10/01/2014, ông Nguyễn Quang Thanh L không cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Nguyễn Quang Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông L đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Phạm Thị A phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được cân trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà A đã nộp theo biên lai số 0069256 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

### 3. Quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Quang Thanh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Mỹ Kiều**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

**Hoàng Mỹ Kiều**

